

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2242/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 02 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 1564/QĐ-UBND ngày 14/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra tỉnh Quảng Trị;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 747/TTr-TTr ngày 13/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra tỉnh Quảng Trị (Có phụ lục kèm theo).

- Phụ lục 1. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực thanh tra áp dụng tại Thanh tra tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

- Phụ lục 2. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực thanh tra áp dụng tại UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

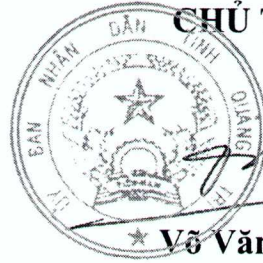
- Phụ lục 3. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực thanh tra áp dụng tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng và các Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC_(V).



CHỦ TỊCH

★ **Võ Văn Hưng**

Phụ lục 1

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG
LĨNH VỰC THANH TRA ÁP DỤNG TẠI THANH TRA TỈNH VÀ CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN CẤP TỈNH**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

| S T T | Tên, mã thủ tục hành chính | Tổng thời gian giải quyết | Nội dung công việc và các bước thực hiện | | Thời gian chi tiết | Đơn vị thực hiện | Người thực hiện |
|-------------|--|--|--|---------------------|--|--|--|
| | | | Bước 1 | Tiếp nhận đơn | | | |
| 01 | Xử lý đơn cấp tỉnh Mã TTHC: 2.002499.00.00.H50 | Trường hợp nhận trực tiếp: 10 ngày. (Có thể rút ngắn thời hạn giải quyết 07 ngày tiếp nhận) | Bước 1 | Tiếp nhận đơn | 0,5 ngày | Bộ phận TN&TKQ Thanh tra tỉnh (các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh) | Công chức |
| | | | Bước 2 | Xử lý đơn | | | |
| | | | Bước 2a | Phân công xử lý đơn | 1,5 ngày (Có thể rút ngắn 01 ngày) | Thanh tra tỉnh/ Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh | Lãnh đạo Thanh tra tỉnh/ lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh |
| | | | Bước 2b | Xử lý đơn | 7,5 ngày (Có thể rút ngắn thời hạn giải quyết 05 ngày tiếp nhận) | Các phòng nghiệp vụ | Chuyên viên/Lãnh đạo phòng |
| | | | Bước 3 | Tiếp nhận kết quả | 0,5 ngày | Bộ phận TN&TKQ Thanh tra tỉnh/Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh | Công chức |
| | | | Bước 4 | Trả kết quả | Không tính kết quả | nt | Công chức |

| | | | | | | | |
|----|---|--|----------------|----------------------------|--|--|---|
| 02 | Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh Mã TTHC: 2.002407.000.00. H50 | Vụ việc bình thường: 30 ngày, 45 ngày đối với vụ việc phức tạp Vùng sâu, vùng xa vụ việc bình thường 45 ngày, 65 ngày đối với vụ việc phức tạp | Bước 1 | Tiếp nhận đơn | 01 ngày | Bộ phận TN&TKQ Thanh tra tỉnh (các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh) | Công chức |
| | | | Bước 2 | Xử lý đơn | | | |
| | | | <i>Bước 2a</i> | <i>Phân công xử lý đơn</i> | 03 ngày | <i>Thanh tra tỉnh/ Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh</i> | <i>Lãnh đạo Thanh tra tỉnh/ lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh</i> |
| | | | <i>Bước 2b</i> | <i>Xử lý đơn</i> | - Bình thường: 25 ngày. Phức tạp: 40 ngày. - Vùng sâu, vùng xa: Bình thường 40 ngày. Phức tạp: 55 ngày. | <i>Các phòng nghiệp vụ</i> | <i>Chuyên viên/Lãnh đạo phòng</i> |
| | | | Bước 3 | Tiếp nhận kết quả | 01 ngày | Bộ phận TN&TKQ Thanh tra tỉnh/Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh | Công chức |
| | | | Bước 4 | Trả kết quả | Không tính kết quả | nt | Công chức |

| | | | | | | | |
|----|---|--|---------------|---------------------|--|--|--|
| 03 | Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh Mã TTHC: 2.002411.000.00.00 H50 | Vụ việc bình thường: 45 ngày, 60 ngày đối với vụ việc phức tạp Vùng sâu, vùng xa vụ việc bình thường 60 ngày, 70 ngày đối với vụ việc phức tạp | Bước 1 | Tiếp nhận đơn | 01 ngày | Bộ phận TN&TKQ Thanh tra tỉnh (các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh) | Công chức |
| | | | Bước 2 | Xử lý đơn | | | |
| | | | Bước 2a | Phân công xử lý đơn | 03 ngày | Thanh tra tỉnh/ Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh | Lãnh đạo Thanh tra tỉnh/ lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh |
| | | | Bước 2b | Xử lý đơn | - Bình thường: 40 ngày. Phức tạp: 55 ngày. - Vùng sâu, vùng xa: Bình thường 55 ngày. Phức tạp: 65 ngày. | Các phòng nghiệp vụ | Chuyên viên/Lãnh đạo phòng |
| | | | Bước 3 | Tiếp nhận kết quả | 01 ngày | Bộ phận TN&TKQ Thanh tra tỉnh/Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh | Công chức |
| | | | Bước 4 | Trả kết quả | Không tính kết quả | nt | Công chức |

| | | | | | | | | |
|----|---|---|---------------|---------------------|---|--|--|--|
| 04 | <p>Giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh Mã TTHC: 2.002394.000.00.00. H50</p> | 1. Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. | Bước 1 | Tiếp nhận đơn | 01 ngày | Bộ phận TN&TKQ Thanh tra tỉnh (các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh) | Công chức | |
| | | 2. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo 01 lần nhưng không quá 30 ngày. | Bước 2 | Xử lý đơn | | | | |
| | | 3. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo 02 lần, mỗi lần không quá 30 ngày. | Bước 2a | Phân công xử lý đơn | 03 ngày | Thanh tra tỉnh/ Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh | Lãnh đạo Thanh tra tỉnh/ lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh | |
| | | 4. Người giải quyết tố cáo quyết định bằng văn bản việc gia hạn giải quyết tố cáo và thông báo đến người tố cáo, người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. | Bước 2b | Xử lý đơn | - Bình thường: 25 ngày, phức tạp gia hạn lần đầu 30 ngày; đặc biệt phức tạp gia hạn hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày. | Các phòng nghiệp vụ | Chuyên viên/Lãnh đạo phòng | |
| | | | Bước 3 | Tiếp nhận kết quả | 01 ngày | Bộ phận TN&TKQ Thanh tra tỉnh/Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh | Công chức | |
| | | | Bước 4 | Trả kết quả | Không tính kết quả | nt | Công chức | |

Phụ lục 2

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG LĨNH VỰC THANH TRA ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

| S T T | Tên thủ tục hành chính | Tổng thời gian giải quyết | Nội dung công việc và các bước thực hiện | | Thời gian chi tiết | Đơn vị thực hiện | Người thực hiện |
|-------------|--|--|--|----------------------------|---|-------------------------------|-----------------------------------|
| | | | Bước | Nội dung công việc | | | |
| 01 | Xử lý đơn cấp huyện Mã TTHC: 2.002500.000.00.00.H50 | Trường hợp nhận trực tiếp: 10 ngày. (Có thể rút ngắn thời hạn giải quyết 07 ngày tiếp nhận) | Bước 1 | Tiếp nhận đơn | 0,5 ngày | Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện | Công chức |
| | | | Bước 2 | Xử lý đơn | | | |
| | | | <i>Bước 2a</i> | <i>Phân công xử lý đơn</i> | <i>1,5 ngày (Có thể rút ngắn 01 ngày)</i> | <i>UBND cấp huyện</i> | <i>Chủ tịch</i> |
| | | | <i>Bước 2b</i> | <i>Xử lý đơn</i> | <i>7,5 ngày (Có thể rút ngắn thời hạn giải quyết 05 ngày tiếp nhận)</i> | <i>Các phòng chuyên môn</i> | <i>Chuyên viên/Lãnh đạo phòng</i> |
| | | | Bước 3 | Tiếp nhận kết quả | 0,5 ngày | Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện | Công chức |
| | | | Bước 4 | Trả kết quả | Không tính kết quả | Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện | Công chức |
| 02 | Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện | Vụ việc bình thường: 30 ngày, | Bước 1 | Tiếp nhận đơn | 01 ngày | Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện | Công chức |
| | | | Bước 2 | Xử lý đơn | | | |

| | | | | | | | |
|-----------|---|---|----------------|----------------------------|--|-------------------------------|-----------------------------------|
| | Mã TTHC: 2.002408.000.00.00 .H50 | 45 ngày đối với vụ việc phức tạp | <i>Bước 2a</i> | <i>Phân công xử lý đơn</i> | 03 ngày | <i>UBND cấp huyện</i> | <i>Chủ tịch</i> |
| | | Vùng sâu, vùng xa vụ việc bình thường 45 ngày, 65 ngày đối với vụ việc phức tạp | <i>Bước 2b</i> | <i>Xử lý đơn</i> | - Bình thường: 25 ngày. Phức tạp: 40 ngày. - Vùng sâu, vùng xa: Bình thường 40 ngày. Phức tạp: 55 ngày. | <i>Các phòng chuyên môn</i> | <i>Chuyên viên/Lãnh đạo phòng</i> |
| | | | Bước 3 | Tiếp nhận kết quả | 01 ngày | Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện | Công chức |
| | | | Bước 4 | Trả kết quả | Không tính kết quả | Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện | Công chức |
| 03 | Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện Mã TTHC: 2.002412.000.00.00 .H50 | Vụ việc bình thường: 45 ngày, | Bước 1 | Tiếp nhận đơn | 01 ngày | Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện | Công chức |
| | | 60 ngày đối với vụ việc phức tạp | Bước 2 | Xử lý đơn | | | |
| | | | <i>Bước 2a</i> | <i>Phân công xử lý đơn</i> | 03 ngày | <i>UBND cấp huyện</i> | <i>Chủ tịch</i> |
| | | Vùng sâu, vùng xa vụ việc bình thường 60 ngày, 70 ngày đối với vụ | <i>Bước 2b</i> | <i>Xử lý đơn</i> | - Bình thường: 40 ngày. Phức tạp: 55 ngày. - Vùng sâu, vùng | <i>Các phòng chuyên môn</i> | <i>Chuyên viên/Lãnh đạo phòng</i> |

| | | | | | | | | |
|-----------|--|--|---------------|------------------------|--|----------------------------------|----------------------------------|--|
| | | việc phức tạp | | | <i>xa: Bình thường 55 ngày. Phức tạp: 65 ngày.</i> | | | |
| | | | Bước 3 | Tiếp nhận kết quả | 01 ngày | Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện | Công chức | |
| | | | Bước 4 | Trả kết quả | Không tính kết quả | Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện | Công chức | |
| 04 | Giải quyết tố cáo tại cấp huyện Mã TTHC: 2.002395.000.00.00 .H50 | 1. Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. 2. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo 01 lần nhưng không quá 30 ngày. 3. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo 02 lần, mỗi lần | Bước 1 | Tiếp nhận đơn | 01 ngày | Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện | Công chức | |
| | | | Bước 2 | Xử lý đơn | | | | |
| | | | Bước 2a | Phân công xử lý đơn | 03 ngày | UBND cấp huyện | Chủ tịch | |
| | | | Bước 2b | Xử lý đơn | - Bình thường: 25 ngày, phức tạp gia hạn lần đầu 30 ngày; đặc biệt phức tạp gia hạn hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày. | Các phòng chuyên môn | Chuyên viên/Lãnh đạo phòng | |
| | | | Bước 3 | Tiếp nhận kết quả | 01 ngày | Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện | Công chức | |

| | | | | | | | |
|--|--|--|---------------|-------------|--------------------|-------------------------------|-----------|
| | | <p>không quá 30 ngày.</p> <p>4. Người giải quyết tố cáo quyết định bằng văn bản việc gia hạn giải quyết tố cáo và thông báo đến người tố cáo, người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.</p> | Bước 4 | Trả kết quả | Không tính kết quả | Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện | Công chức |
|--|--|--|---------------|-------------|--------------------|-------------------------------|-----------|

Phụ lục 3

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG
LĨNH VỰC THANH TRA ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

| STT | Tên thủ tục hành chính | Tổng thời gian giải quyết | Nội dung công việc và các bước thực hiện | | Thời gian chi tiết | Đơn vị thực hiện | Người thực hiện |
|-----|---|--|--|---------------------|---|----------------------------|-----------------|
| 01 | Xử lý đơn cấp xã Mã TTHC: 2.002501.000.00.00 .H50 | Trường hợp nhận trực tiếp: 10 ngày. (Có thể rút ngắn thời hạn giải quyết 07 ngày tiếp nhận) | Bước 1 | Tiếp nhận đơn | 0,5 ngày | Bộ phận TN&TKQ UBND cấp xã | Công chức |
| | | | Bước 2 | Xử lý đơn | | | |
| | | | Bước 2a | Phân công xử lý đơn | 1,5 ngày (Có thể rút ngắn 01 ngày) | UBND cấp xã | Chủ tịch |
| | | | Bước 2b | Xử lý đơn | 7,5 ngày (Có thể rút ngắn thời hạn giải quyết 05 ngày tiếp nhận) | UBND cấp xã | Công chức |
| | | | Bước 3 | Tiếp nhận kết quả | 0,5 ngày | Bộ phận TN&TKQ UBND cấp xã | Công chức |
| | | | Bước 4 | Trả kết quả | Không tính kết quả | Bộ phận TN&TKQ UBND cấp xã | Công chức |
| 02 | Giải quyết khiếu nại lần tại cấp xã Mã TTHC: 2.002409.000.00.00 .H50 | Vụ việc bình thường: 30 ngày, 45 ngày đối với vụ việc phức tạp | Bước 1 | Tiếp nhận đơn | 01 ngày | Bộ phận TN&TKQ UBND cấp xã | Công chức |
| | | | Bước 2 | Xử lý đơn | | | |
| | | | Bước 2a | Phân công xử lý đơn | 03 ngày | UBND cấp xã | Chủ tịch |

| | | | | | | | | |
|----|---|--|---------------|------------------------|---|-------------------------------|-----------|--|
| | | Vùng sâu, vùng xa vụ việc bình thường 45 ngày, 65 ngày đối với vụ việc phức tạp | Bước 2b | Xử lý đơn | - Bình thường: 25 ngày. Phức tạp: 40 ngày. - Vùng sâu, vùng xa: Bình thường 40 ngày. Phức tạp: 55 ngày. | UBND cấp xã | Công chức | |
| | | | Bước 3 | Tiếp nhận kết quả | 01 ngày | Bộ phận TN&TKQ UBND cấp xã | Công chức | |
| | | | Bước 4 | Trả kết quả | Không tính kết quả | Bộ phận TN&TKQ UBND cấp xã | Công chức | |
| 03 | Giải quyết tố cáo tại cấp xã Mã TTHC: 2.002396.000.00.00 .H50 | 1. Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. 2. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo 01 lần nhưng không quá 30 ngày. 3. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn | Bước 1 | Tiếp nhận đơn | 01 ngày | Bộ phận TN&TKQ UBND cấp xã | Công chức | |
| | | | Bước 2 | Xử lý đơn | | | | |
| | | | Bước 2a | Phân công xử lý đơn | 03 ngày | UBND cấp xã | Chủ tịch | |
| | | | | | - Bình thường: 25 ngày, phức tạp gia hạn lần đầu 30 ngày; đặc biệt phức tạp gia hạn hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày. | UBND cấp xã | Công chức | |
| | | | Bước 2b | Xử lý đơn | | UBND cấp xã | Công chức | |

| | | | | | | |
|--|---|---------------|----------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------|
| | giải quyết tố cáo 02 lần, mỗi lần không quá 30 ngày. 4. Người giải quyết tố cáo quyết định bằng văn bản việc gia hạn giải quyết tố cáo và thông báo đến người tố cáo, người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. | Bước 3 | Tiếp nhận kết quả | 01 ngày | Bộ phận TN&TKQ UBND cấp xã | Công chức |
| | | Bước 4 | Trả kết quả | Không tính kết quả | Bộ phận TN&TKQ UBND cấp xã | Công chức |